**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1**

**MÔN NGỮ VĂN 8**

**A. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA**

* **HÌNH THỨC: TỰ LUẬN**

***1. Đọc - hiểu:*** *6.0 điểm*

***2. Viết:*** *4.0 điểm*

**B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**I. NGỮ LIỆU:** Sử dụng ngữ liệu từ các văn bản ngoài chương trình SGK.

* **YÊU CẦU:**

- Nhận biết đề tài, bối cảnh, cốt truyện, tình huống, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu, đối tượng trào phúng, châm biếm các yếu tố gây cười trong truyện cười.

- Nhận biết và nêu tác dụng trợ từ, thán từ, từ Hán Việt, nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn

- Phân tích được tình cảm, thái độ của tác giả dân gian với đối tượng trào phúng thể hiện qua văn bản.

- Phân tích được tác dụng của các chi tiết, tình huống gây cười.

- Khái quát, rút ra được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.

- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.

- Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của truyện cười.

**II. KIẾN THỨC ĐỌC HIỂU**

**1. Truyện cười**

**- Truyện cười** là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí, hoặc phê phán, châm biếm, đã kích những thói hư, tật xấu trong cuộc sống. Truyện cười là một trong những biểu hiện sinh động cho tính lạc quan, trí thông minh sắc sảo của tác giả dân gian.

**- Cốt truyện** thường xoay quanh những tình huống, hành động có tác dụng gây cười. Cuối truyện thường có sự việc bất ngờ, đẩy mâu thuẫn đến đỉnh điểm, lật tẩy sự thật, từ đó tạo ra tiếng cười.

**- Bối cảnh** thường không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm thiên nhiên, văn hoá, phong tục gắn với từng truyện.

**- Nhân vật thường có hai loại:**

+ Loại thứ nhất thường là những nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội như: lười biếng, tham ăn, keo kiệt,... hoặc mang thói xấu gắn với bản chất của một tầng lớp xã hội cụ thể. Đây chính là những đối tượng mà tiếng cười hướng đến. Bằng các thủ pháp trào phúng, tác giả dân gian biến các kiểu nhân vật này thành những bức chân dung hài hước, lạ đời, tạo nên tiếng cười vừa mang ý nghĩa xã hội vừa có giá trị thẩm mĩ.

+ Loại thứ hai thường là những nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo, khôn ngoan để vạch trần, chế giễu, đả kích những hiện tượng và những con người xấu xa của xã hội phong kiến (truyện Trạng Quỳnh, Xiển Bột,...) hoặc dùng khiếu hài hước để thể hiện niềm vui sống, tinh thần lạc quan trước sự trù phủ của môi trường thiên nhiên hay những thách thức do chính môi trường sống mang lại (truyện Bác Ba Phi,...).

**- Ngôn ngữ** thường ngắn gọn, súc tích, hài hước, mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn,...

**- Các thủ pháp gây cười khá đa dạng**, linh hoạt:

+ Tạo tình huống trào phúng bằng một trong hai cách sau hoặc kết hợp cả hai cách: Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài giữa thật và giả giữa lời nói hành động,...Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật tạo nên những liên tưởng, đối sảnh bất ngờ, hải hước, thú vị

+ Sử dụng các biện pháp tu từ giàu tính trào phúng (lối nói khoa trương, phóng đại chơi chữ,...)

**3. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu**

***- Nghĩa tường minh*** là phần thông bảo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trongcâu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.

***- Nghĩa hàm ẩn*** là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn đề cập đến

**4. Từ Hán Việt**

- Các tiếng tạo nên từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt

- Từ Hán Việt là từ vay mượn của tiếng Hán nhưng được đọc theo cách phát âm của Tiếng Việt.

- Từ ghép Hán Việt có 2 loại: Từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.

**C. VIẾT: Viết văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống**

**ĐỀ 1:** Suy nghĩ của em về vấn đề xả rác bừa bãi

**ĐỀ 2:** Suy nghĩ của em về vấn đề thực hiện an toàn giao thông

\* **DÀN BÀI:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài** | - Nêu vấn đề cần bàn luận.  - Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận. |
| **Thân bài** | 1. Giải thích từ ngữ, ý kiến cần bàn luận  2. Bàn luận:  - Trình bày vấn đề cần bàn luận.  - Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận.  - Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm. |
| **Kết bài** | - Khẳng định lại vấn đề.  - Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học. |

**D. ĐỀ ĐỌC HIỂU THAM KHẢO**

**ĐỀ 1**

**Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi:**

**VĂN HAY**

Một thầy đồ đang ngồi cặm cụi viết bài. Bà vợ đến bên cạnh nói:

- Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?

Thầy đồ lấy làm đắc chí, cho là vợ khen tài văn chương của mình, ý văn dồi dào giấy khổ nhỏ không đủ chép nhưng cũng hỏi lại:

- Bà nói vậy là thế nào?

Bà vợ thong thả nói:

- Ông chả biết tính toán gì cả, giấy khổ to bỏ đi còn gói hàng, chứ giấy khổ nhỏ thì dùng làm gì được. *(Theo Truyện cười những chàng ngốc, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1993)*

**Câu 1:** Xác định đề tài, cốt truyện, bối cảnh của truyện cười trên.

**Câu 2:**Nhân vật người vợ được khắc họa qua những chi tiết nào? Em có nhận xét gì về nhân vật này?

**Câu 3:** Tác giả dân gian đã tạo tiếng cười cho truyện bằng cách nào?

**Câu 4.**Chỉ ra nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn câu nói sau của nhân vật người vợ trong văn bản. “- *Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?”*

**Câu 5.** Trong câu chuyện, hoạt động giao tiếp diễn ra giữa các nhân vật nào?

**Câu 6.** Trong câu chuyện, lượt lời thứ nhất của bà đồ có hình thức câu hỏi nhưng thực chất là thực hiện hành động nói gì (ngăn cản, khuyên, đề nghị, khen)?

**Câu 7.**Theo anh/chị, ở lượt lời thứ nhất, bà đồ tỏ ý khen văn chương của ông đồ hay thực chất đánh giá như thế nào về văn chương của ông?

**Câu 8.**Vì sao bà đồ không nói thẳng ý mình mà chọn cách nói như trong truyện?

**ĐỀ 2**

**Đọc văn bản:**

**TAM ĐẠI CON GÀ**

Xưa, có anh học trò học hành dốt nát, nhưng trò đời “Xấu hay làm tốt, dốt hay chơi chữ”, đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt.

Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ.

Một hôm, dạy sách Tam thiên tự, sau chữ “tước” là chim sẻ, đến chữ “kê” là gà, thầy thấy mặt chữ nhiều nét rắc rối, không biết chữ gì, học trò lại hỏi gấp, thầy cuống, nói liều: “Dủ dỉ là con dù dì“. Thầy cũng khôn, sợ nhỡ sai, người nào biết thì xấu hổ, mới bảo học trò đọc khẽ, tuy vậy, trong lòng thầy vẫn thấp thỏm.

Nhân trong nhà có bàn thờ thổ công, thầy mới đến khấn thầm xin ba đài âm dương để xem chữ ấy có phải thật là “dù dì” không. Thổ công cho ba đài được cả ba.

Thấy vậy, thấy lấy làm sắc chí lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ lên gào:

– Dủ dỉ là con dù dì! Dủ dỉ là con dù dì…

Bố chúng đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng học, ngạc nhiên bỏ cuốc chạy vào, giở sách ra xem, hỏi thầy:

– Chết chửa! Chữ “kê” là gà, sao thầy lại dạy ra “dủ dỉ” là con “dù dì”?

Bấy giờ thầy mới nghĩ thầm: “Mình đã dốt, thổ công nhà nó cũng dốt nữa”, nhưng nhanh trí thầy vội nói gỡ:

– Tôi vẫn biết chữ ấy là chữ “kê” mà “kê” nghĩa là “gà” nhưng tôi dạy cháu thế là dạy cho cháu nó biết tận tam đại con gà kia.

Chủ nhà càng không hiểu, hỏi:

– Tam đại con gà là nghĩa ra làm sao?

– Thế này nhé! Dủ dỉ là con dù dì, dù dì là chị con công, con công là ông con gà!

(SGK Ngữ văn 10, Trang 78 -79,Tập I, NXBGD 2006)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

1. Xác định thể loại văn bản trên.

2. Chỉ ra và giải thích nghĩa 01 từ Hán Việt có trong văn bản.

3. Xác định nhân vật nào đáng bị cười trong văn bản? Vì sao?

4. Những tình huống nào cho thấy thầy đồ rởm bị đặt vào thế bí?

5. Trong hai con dủ dỉ và dù dì, con nào là con bịa? Lập luận về Tam đại con gà ở cuối truyện có gì đáng cười?

6. Nêu thủ pháp gây cười của truyện trên.

7. Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa tiếng cười từ văn bản.

**ĐỀ 3**

**Đọc văn bản:**

**THI NÓI KHOÁC**

Bốn vị quan họp nhau đánh chén, nhân lúc cao hứng, liền mở một cuộc thi nói khoác. Quan thứ nhất nói:

- Tôi còn nhớ ngày tôi trọng nhậm ở huyện nọ, tôi được trông thấy một con trâu to lắm, nó liếm một cái, mất đứt một sào mạ!

Quan thứ hai nói:

- Ðã lấy gì làm lạ! Tôi trông thấy một sợi dây thừng to gấp mười cái cột đình làng này! Quan thứ nhất biết ông kia nói lỡm mình, bèn chịu thua và giục quan thứ ba lên tiếng.

Quan thứ ba nói:

- Tôi từng trông thấy một trước cầu dài lắm, đứng đầu này không thể trông thấy đầu kia. Chỉ biết rằng có hai bố con nhà nọ, kẻ ở bờ bên này, người ở bờ bên kia mà chẳng bao giờ gặp nhau được. Lúc người bố chết, người con nghe tin, vội vàng sang đưa đám, nhưng qua cầu, sang đến nơi thì đã đoạn tang ba năm rồi! Ðến lượt quan thứ tư:

- Kể cũng đã ghê đấy, nhưng tôi lại còn trông thấy một cây cổ thụ cao lắm. Cứ biết rằng trứng chim ở ngọn cây rơi xuống, mới đến nửa đường, chim đã nở đủ lông đủ cánh và đã bay đi rồi! Quan thứ ba hiểu ý, cây ấy dùng để làm chiếc cầu mình nói, đành chịu thua. Cả bốn vị đanh thích chí, vỗ đùi cười ha ha. Bỗng có tiếng quát nạt làm các vị giật bắt cả nguời:

- Ðồ nói khoác! Trói cổ chúng nó lại!

Các quan sợ run cầm cập, ngơ ngác nhì trước nhìn sau, xem là ai.

Thì té ra là thằng lính hầu. Bấy giờ các quan mới hoàn hồn, lên giọng:

- Thằng kia, mày định trói ai thế?

- Bẩm quan, con thấy các quan nói khoác, thì con cũng nói khoác chơi đấy ạ!

(Văn bản trích trong *Truyện cười dân gian Việt Nam, Thi nói khoác*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2009)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**: Nói khoác là gì? Có những từ nào khác chỉ hiện tượng nói khoác?

**Câu 2:** Chỉ ra và giải thích nghĩa 01 từ Hán Việt có trong văn bản.

**Câu 3:** Nêu một số đặc điểm truyện cười tiêu biểu thể hiện qua truyện Thi nói khoác.

**Câu 4**: Tại sao có thể nói: Nội dung nói khoác của ông quan thứ hai và ông quan thứ tư đều có ý “nói lõm” ông quan thứ nhất và ông quan thứ ba?

**Câu 5:** Điều gì khiến người đọc phải buồn cười qua câu chuyện này?

**Câu 6:** Theo em, truyện Thi nói khoác chủ yếu nhằm mục đích gì (mua vui hoặc châm biếm, đả kích, phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội)?

**Câu 8:** Truyện cười luôn có trong nó ít nhiều sự thật. Theo em, sự thật trong truyện Thi nói khoác là gì?

**Câu 9**: Dẫn ra một truyện cười (hiện đại hoặc dân gian) có nội dung tương tự truyện Thi nói khoác mà em biết.

**Câu 10:** Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa tiếng cười từ văn bản.